

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2019/DS - PT

Ngày: 10/10/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán và
hợp đồng dịch vụ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2019/TLPT- DS ngày 23 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán và hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DS – ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2019/QĐ – PT ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Văn S, sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp L, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1951;

2. Nguyễn Thị S, sinh năm 1956;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H:* Ông Lê Huỳnh Nhựt T – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Văn H và Nguyễn Thị S.

Các đương sự có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Châu Văn S trình bày:

Anh là chủ Doanh nghiệp tư nhân đá hoa cương C có trụ sở tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vào ngày 15/10/2017 ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị S có đến cửa hàng của anh chọn và đặt giá để mua đá hoa cương xà cừ xanh đen, xà cừ xanh xám và kim sa trung làm nhà của mình. Ông H bà S có đưa trước cho anh số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi các bên ký kết hợp đồng, ngày 17/12/2017, anh đã giao đá hoa cương và tiến hành dán đá hoa cương theo yêu cầu của ông H và bà S đúng theo thỏa thuận.

Sau 01 tháng lắp đặt đá hoa cương, anh đã bàn giao cho ông H và bà S vào ngày 16/01/2018 kèm theo bảng tổng hợp đo khối lượng thực tế thanh toán với số tiền là 104.392.000 đồng. Ông H và bà S đã thanh toán cho anh số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, ông H và bà S đưa ra lý do màu sắc đá không đồng đều, nổi đá, thi công không đẹp nên không thanh toán số tiền còn lại là 34.392.000 đồng cho anh. Do gần Tết cần thu hồi tiền nên anh đồng ý tháo gỡ những viên đá mà ông H bà S không đồng ý và cho luôn không tính tiền, chỉ yêu cầu trả cho anh phần tiền còn lại nhưng ông H bà S vẫn không chịu. Sau đó, anh có làm bằng phương án sửa chữa nhưng ông H bà S vẫn không đồng ý.

Do ông H và bà S không thanh toán số tiền còn lại nên anh đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết buộc ông H và bà S thanh toán số tiền còn lại. Quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà S cho rằng anh giao đá hoa cương không đúng chủng loại và chất lượng nên không chịu thanh toán số tiền còn lại. Ông H và bà S cho rằng anh gian dối nên anh đã đồng ý giao quyền cho ông H và bà S tự mua đá hoa cương và kêu thợ làm theo ý của ông H và bà S, số tiền mua đá hoa cương và tiền công thợ anh sẽ chịu. Sau khi làm xong theo ý của ông H và bà S thì yêu cầu ông H và bà S thanh toán cho anh khoản tiền còn lại nhưng ông H và bà S vẫn không đồng ý.

Anh khẳng định anh đã giao đúng số lượng và chủng loại theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Sau khi anh làm xong, ông H và bà S cũng đã thanh toán cho anh số tiền 70.000.000 đồng. Việc ông H và bà S cho rằng anh giao không đúng chủng loại và chất lượng là không có cơ sở. Do đó, ông H và bà S phải là người có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho lời trình bày của mình. Anh khẳng định phía bên anh đã giao đúng theo hợp đồng nên anh yêu cầu ông H và bà S cùng liên đới thanh toán cho anh số tiền còn lại là 34.392.000 đồng. Tuy nhiên, tại tòa ông H và bà

S chỉ thừa nhận còn nợ lại số tiền 33.455.000 đồng nên anh cũng đồng ý và yêu cầu ông H và bà S trả cho anh số tiền 33.455.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị S cùng trình bày:

Năm 2017, ông bà có làm nhà mới và có yêu cầu ông Châu Văn S là chủ Doanh nghiệp tư nhân đá hoa cương C có trụ sở tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang cung cấp đá hoa cương xà cừ xanh xám, đá hoa cương xà cừ xanh đen và đá hoa cương kim sa để làm nhà. Tổng số tiền theo hợp đồng là 103.455.900 đồng. Vì quá tin tưởng ông S nên ông bà đã thanh toán cho ông S số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại là 33.455.900 đồng ông bà hứa sẽ thanh toán cho ông S sau khi nghiệm thu và bàn giao nhà. Tuy nhiên, sau đó ông bà phát hiện ông S giao loại đá hoa cương rẻ tiền, không đúng theo hợp đồng nên không đồng ý thanh toán. Ông bà có yêu cầu ông S sửa chữa, thay đổi đá hoa cương đúng như hợp đồng ban đầu thì ông bà sẽ thanh toán khoản tiền còn lại nhưng ông S không thực hiện. Nay ông S yêu cầu ông bà tự chọn mua loại đá theo ý mình và tìm thợ làm, ông S sẽ thanh toán tiền mua đá và tiền thợ. Do không rành về đá hoa cương nên ông bà yêu cầu ông S sửa chữa sau đó sẽ thanh toán số tiền còn lại cho ông S.

Ông H và bà S thừa nhận có ký kết hợp đồng mua đá hoa cương như lời trình bày của ông S. Hiện tại ông bà thừa nhận còn nợ ông S số tiền 33.455.000 đồng nhưng không đồng ý trả mà yêu cầu ông S sửa chữa mới đồng ý trả. Nếu ông S không sửa chữa thì yêu cầu ông S tháo dỡ đá hoa cương và trả lại số tiền 70.000.000 đồng. Ông H, bà S cho rằng mình cũng từng buôn bán gạch men nên biết hiện tại không còn lô hàng đá hoa cương như trước đây mà mình đặt hàng. Ông H và bà S yêu cầu tiến hành giám định chất lượng, chủng loại và màu sắc đá hoa cương.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS – ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn S.

Buộc ông Trần Văn Hải và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Châu Văn S số tiền 33.455.000 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2019 bị đơn Trần Văn H và Nguyễn Thị S kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Châu Văn S cùng với ông bà phải thực hiện Phương án sửa chữa nhà bà Nguyễn Thị S lập ngày 07/9/2018 mà ông S đã ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H và bà S vẫn giữ nguyên kháng cáo, ông bà cung cấp Bảng báo giá công trình của đơn vị Đá hoa cương H, thể hiện số tiền sửa chữa là 18.558.990 đồng, nếu ông Châu Văn S đồng ý trừ lại số tiền này để ông bà sửa chữa nhà thì ông bà sẽ thanh toán số tiền còn lại. Ông Châu Văn S không đồng ý và nếu ông H và bà S đồng ý trả tiền thì ông chỉ lấy 30 triệu đồng. Hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày: ông H và bà S có ký kết hợp đồng mua bán đá hoa cương với doanh nghiệp C để thi công công trình nhà ở, nhưng lúc nghiệm thu thì ông H và bà S phát hiện đá được thi công không đúng chủng loại. Ông S có lập Biên bản làm việc sửa chữa hạng mục còn lại với ông H và bà S vào ngày 23/3/2018, thể hiện công việc của nguyên đơn là chưa hoàn thành xong. Công việc chưa hoàn thành nên ông H và bà S không thanh toán đủ tiền là phù hợp. Ông H cũng đưa ra phương án để hòa giải nhưng ông S không đồng ý. Về tố tụng: thực tế đây là tranh chấp cả hai hợp đồng, vừa mua bán đá hoa cương, vừa thi công mà cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật là hợp đồng mua bán hàng hóa là chưa phù hợp. Tại cấp sơ thẩm, ông H và ông S cũng đồng ý giám định đá hoa cương nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành giám định là thiếu sót. Theo quy định của pháp luật, hợp đồng thi công là hợp đồng dịch vụ nên theo Điều 517 Bộ luật dân sự, trường hợp bên cung ứng dịch vụ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì bên sử dụng dịch vụ có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà S, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: xét về lỗi thì cả hai bên cùng có lỗi nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chia đều số tiền còn lại của hợp đồng cho cả hai bên cùng chịu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các bên đương sự thống nhất việc ông Châu Văn S và ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị S có ký kết hợp đồng mua bán đá hoa cương và thi công lắp đặt, số tiền là

103.455.000 đồng. Ông H và bà S đã thanh toán số tiền 70.000.000 đồng, còn lại 33.455.000 đồng chưa thanh toán cho ông S. Theo ông H và bà S cho rằng ông S giao đá hoa cương rẻ tiền, không đúng theo hợp đồng nên không đồng ý thanh toán số tiền còn lại. Ông S khẳng định đã giao đá hoa cương theo đúng hợp đồng nên yêu cầu ông H và bà S thanh toán số tiền còn lại là 33.455.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán là chưa đúng với yêu cầu của các bên. Bản chất của tranh chấp này là hợp đồng dịch vụ nên điều chỉnh lại cho phù hợp.

[2] Xét kháng cáo của ông H và bà S yêu cầu ông Châu Văn S thực hiện Phương án sửa chữa nhà bà Nguyễn Thị S lập ngày 07/9/2018 mà ông S đã ký. Tại Phương án mà ông H và bà S đề cập, ông S nêu rõ:

“1. Đơn vị thi công tiến hành tháo dỡ ba tấm đá xà cừ xanh xám mặt tiền, xà cừ xanh đen hai thân cột sau và ba tấm đá kim sa tam cấp sau.

2. Lấy mẫu đối chiếu cho chủ nhà thống nhất màu sắc giống như màu hiện tại chủ nhà đồng ý thì ký tên lên mẫu và cả tấm đá được chọn để đơn vị thi công chuyển đến lắp đặt lại.

- Nếu chủ nhà tìm được nơi cung cấp mẫu đá có màu sắc giống như mẫu đá hiện tại thì chủ nhà mua và báo đơn vị thi công biết để thanh toán tiền lại cho chủ nhà theo hóa đơn bán hàng.

- Nếu chủ nhà có thợ nào thi công tay nghề tốt làm hài lòng chủ nhà hơn thợ của đơn vị thi công thì chủ nhà giới thiệu cho đơn vị thi công biết thì đơn vị thi công sẽ nhận vào làm và trả chi phí tiền công thay các tấm đá như đã nêu ở trên.

3. Sau khi chủ nhà thống nhất chọn được màu sắc của chủng loại đá thì đơn vị thi công sẽ chuyển khai thi công ngay sau đó.

4. Tiến độ thi công sửa chữa là 07 ngày.

5. Sau khi thay xong các tấm đá cho chủ nhà đơn vị thi công sẽ dặm vá vệ sinh sạch sẽ hoàn trả mọi thứ lại đúng hiện trạng ban đầu.”

Như vậy nguyên đơn đã đưa ra rất nhiều phương án để thi công sửa chữa nhà cho bị đơn nhưng việc không thực hiện được là do phía bị đơn không đồng ý, nên lỗi thuộc về bị đơn, nguyên đơn không có lỗi. Tại phiên tòa, bị đơn đưa ra phương án sửa chữa nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do ông S đã hoàn thành công việc, ông H và bà S không chứng minh được chất lượng công trình và hai bên không thỏa thuận được sửa chữa, số tiền còn lại ông H và bà S chưa thanh toán cho ông S, yêu cầu khởi kiện của ông S đã được chấp nhận là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông H và bà S thuộc diện được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS – ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Văn S.

Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Châu Văn S số tiền 33.455.000 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị S được miễn.

- Hoàn tạm ứng án phí đã nộp cho ông Châu Văn S số tiền 860.000 đồng (tám trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001079 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị S được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Dũng